

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS- ST.

Ngày: 26 - 5 - 2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hiền và ông Nguyễn Thế Anh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Vân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim H, sinh năm 1970 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Anh Lê Thái L, sinh năm 1985 – Vắng mặt.

Nơi công tác: Công an xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim H trình bày:

Tôi không có quan hệ thân thích với anh Lê Thái L, tôi quen biết anh L qua anh V (không rõ họ), công tác tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Đ. Do thường xuyên giao dịch tại Ngân hàng này nên khi anh V nhờ tôi cho bạn là anh Lê Thái L vay tiền thì tôi đồng ý. Cuối năm 2019 tôi có cho anh Lê Thái L vay số tiền 180.000.000 đồng. Anh L nói chỉ vay vài ngày sẽ trả, mục đích để đáo hạn tại Ngân hàng. Ba ngày sau khi nhận tiền, anh L trả cho tôi 90.000.000 đồng.

Còn nợ lại 90.000.000 đồng nên hai bên lập giấy vay tiền ngày 09-01-2020 thể hiện số tiền nợ còn lại, hạn trả vào ngày 19-01-2020. Hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất do tôi chỉ có ý muốn giúp nên không tính lãi.

Sau ngày 19-01-2020 tôi đã tìm gặp trực tiếp, gọi điện, nhắn tin nhiều lần, anh L có trả tiền được 2 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng vào khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2020, khi trả không ghi giấy tờ. Từ sau tháng 4 năm 2020 đến nay anh L chỉ hạn mà không trả thêm tiền cho tôi. Đối với số tiền trả vào tháng 3, tháng 4 năm 2020, mỗi lần 10.000.000 đồng thì tôi và anh L có thỏa thuận miệng 10.000.000 đồng được trả vào nợ gốc và 10.000.000 đồng là tiền lãi (tính đến hết ngày 30-9-2020), do tiền tôi cho anh L vay là tiền vay từ Ngân hàng, không phải tiền tự có.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, chị Bùi Thị Kim H có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc, yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Thái L phải trả cho chị 80.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01-10-2020 đến khi trả xong nợ. Do anh L là người vay và nhận tiền nên chị H chỉ yêu cầu anh L trả nợ. Không yêu cầu gì đối với ai khác.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thái L vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc anh Lê Thái L trả 80.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lê Thái L.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Kim H, buộc anh Lê Thái L trả 80.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ, trừ đi số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi mà anh L trả đã cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi triệu tập nhiều lần anh Lê Thái L, là bị đơn không có mặt làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả cho thấy anh L đang công tác tại Công an xã Q, huyện Đ nhưng nhiều lần đến trụ sở tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng không được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh L theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Thái L có nơi làm việc tại Công an xã Q, huyện Đ; Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại huyện Đăk R'Lấp. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

Ngày 09-01-2020 anh Lê Thái L ghi, ký giấy vay số tiền 90.000.000 đồng của chị Bùi Thị Kim H, hẹn trả vào ngày 19-01-2010. Giấy vay tiền không ghi lãi suất, không ghi mục đích vay tiền. Việc các bên thỏa thuận, ký kết hợp đồng vay tiền phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và đã phát sinh hiệu lực thi hành. Đến hạn trả, anh L không thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Sau nhiều lần chị H tìm gặp, gọi điện thoại yêu cầu anh L trả số tiền đã vay, anh L có trả được cho chị H 10.000.000 đồng nợ gốc vào khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2020, số tiền này là tự chị H trình bày, do hai bên không ghi giấy tờ trả một phần nợ.

Việc anh L vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chấp nhận yêu cầu rút một phần nội dung đơn khởi kiện, buộc anh L phải trả cho chị H số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất:

Hợp đồng vay tiền ngày 09-01-2020 không ghi lãi suất, chị H cũng trình bày cho vay không lấy lãi nên đây là hợp đồng vay không có lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Trong khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2020 anh L có trả cho chị H được 10.000.000 đồng và theo trình bày của chị H do anh L vi phạm nghĩa vụ trả nợ quá lâu nên hai bên thỏa thuận số tiền này sử dụng để trả lãi cho đến hết tháng 9 năm 2020. Do anh L không có mặt, việc trình bày của chị H 10.000.000 đồng là tiền lãi tính đến hết tháng 9 năm 2020 và đề nghị Tòa án buộc anh L phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 01-10-2020 là chưa đảm bảo theo quy định khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên cần được tính lại tiền lãi cụ thể:

$90.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = 1.775.000 \text{ đồng}.$

$80.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 13 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 9.222.222 \text{ đồng}.$

Tổng lãi anh L phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 26-5-2021 là $10.000.000 - 1.775.000 + 9.222.222 = 997.222 \text{ đồng}.$

Trong đó: Ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 20-01-2020; ngày trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng là ngày 31-3-2020 (do khi trả tiền nợ gốc và lãi giữa chị H và anh L không ghi giấy tờ, chị H chỉ nhớ vào khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2020 nên để đảm bảo sự công bằng, cần thống nhất thời gian trả nợ gốc là vào ngày 31-3-2020 để tính lãi suất trên nợ gốc).

Như vậy, anh Lê Thái L có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị Kim H 80.997.222 đồng, trong đó gồm 80.000.000 đồng nợ gốc và 997.222 đồng lãi suất.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên anh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim H đối với anh Lê Thái L.

Buộc anh Lê Thái L phải trả cho chị Bùi Thị Kim H số tiền 80.997.222 đồng, trong đó có 80.000.000 đồng nợ gốc và 997.222 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim H đối với anh Lê Thái L về số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 09-01-2020.

3. Về án phí:

Anh Lê Thái L phải nộp 4.049.861đ (*Bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Bùi Thị Kim H được nhận lại 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004521 ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà